

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	04.01.05	Toán	14.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
2	04.01.06	Toán	19.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
3	04.01.09	Toán	18.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
4	04.01.19	Toán	27.000	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
5	04.01.01	Toán	21.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
6	04.01.02	Toán	20.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
7	04.01.07	Toán	27.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
8	04.01.12	Toán	22.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
9	04.01.16	Toán	21.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
10	04.01.17	Toán	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
11	04.01.20	Toán	23.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
12	04.01.11	Toán	17.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
13	04.01.18	Toán	17.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
14	04.01.10	Toán	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
15	04.01.15	Toán	15.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
16	04.01.08	Toán	27.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
17	04.01.04	Toán	24.000	Nhì	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04.02.01	Vật lí	14.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
19	04.02.06	Vật lí	13.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
20	04.02.20	Vật lí	16.500	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
21	04.02.18	Vật lí	12.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
22	04.02.03	Vật lí	17.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
23	04.02.04	Vật lí	10.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
24	04.02.05	Vật lí	16.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
25	04.02.10	Vật lí	18.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
26	04.02.17	Vật lí	22.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
27	04.02.07	Vật lí	14.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
28	04.02.02	Vật lí	14.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	04.02.09	Vật lí	17.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
30	04.02.16	Vật lí	13.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
31	04.02.13	Vật lí	11.750	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
32	04.02.11	Vật lí	11.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
33	04.02.15	Vật lí	12.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
34	04.03.20	Hoá học	17.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	04.03.01	Hoá học	15.375	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
36	04.03.03	Hoá học	21.375	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
37	04.03.06	Hoá học	26.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
38	04.03.10	Hoá học	14.625	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
39	04.03.12	Hoá học	20.375	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
40	04.03.15	Hoá học	20.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
41	04.03.18	Hoá học	21.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
42	04.03.19	Hoá học	23.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
43	04.03.16	Hoá học	23.375	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
44	04.03.02	Hoá học	25.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
45	04.03.14	Hoá học	21.625	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
46	04.03.04	Hoá học	15.625	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
47	04.04.03	Sinh học	22.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
48	04.04.04	Sinh học	22.250	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
49	04.04.12	Sinh học	19.750	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
50	04.04.13	Sinh học	22.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
51	04.04.01	Sinh học	23.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
52	04.04.02	Sinh học	27.250	Nhất	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
53	04.04.08	Sinh học	19.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
54	04.04.09	Sinh học	25.250	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
55	04.04.16	Sinh học	21.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
56	04.04.06	Sinh học	21.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	04.04.07	Sinh học	26.250	Nhất	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
58	04.04.05	Sinh học	23.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
59	04.04.15	Sinh học	25.250	Nhì	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
60	04.04.10	Sinh học	20.750	Ba	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
61	04.04.20	Sinh học	20.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
62	04.04.17	Sinh học	22.750	Nhì	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
63	04.04.18	Sinh học	23.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
64	04.04.14	Sinh học	22.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
65	04.05.05	Tin học	12.630	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
66	04.05.04	Tin học	20.666	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
67	04.05.13	Tin học	21.730	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
68	04.05.14	Tin học	18.970	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
69	04.05.15	Tin học	13.339	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
70	04.05.18	Tin học	19.600	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
71	04.05.07	Tin học	25.740	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
72	04.05.10	Tin học	17.610	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
73	04.05.11	Tin học	13.969	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
74	04.05.20	Tin học	18.800	Ba	10	Trường THPT chuyên Trần Phú
75	04.05.03	Tin học	17.860	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
76	04.05.19	Tin học	15.600	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Trần Phú
77	04.05.09	Tin học	14.470	K.Khích	10	Trường THPT chuyên Trần Phú
78	04.05.16	Tin học	12.671	K.Khích	11	Trường THPT Bạch Đằng
79	04.05.17	Tin học	13.520	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
80	04.05.01	Tin học	14.550	K.Khích	10	Trường THPT chuyên Trần Phú
81	04.06.09	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
82	04.06.06	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
83	04.06.07	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
84	04.06.12	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	04.06.15	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
86	04.06.11	Ngữ văn	13.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
87	04.06.08	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
88	04.06.01	Ngữ văn	13.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
89	04.06.02	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
90	04.06.03	Ngữ văn	13.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
91	04.06.05	Ngữ văn	13.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
92	04.06.13	Ngữ văn	13.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
93	04.06.14	Ngữ văn	13.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
94	04.06.18	Ngữ văn	13.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
95	04.06.19	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
96	04.07.15	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
97	04.07.18	Lịch sử	15.250	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
98	04.07.01	Lịch sử	15.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
99	04.07.02	Lịch sử	17.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
100	04.07.05	Lịch sử	15.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
101	04.07.08	Lịch sử	16.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
102	04.07.12	Lịch sử	16.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
103	04.07.13	Lịch sử	16.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
104	04.07.14	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
105	04.07.19	Lịch sử	15.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
106	04.07.06	Lịch sử	15.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
107	04.07.04	Lịch sử	15.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
108	04.07.20	Lịch sử	15.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
109	04.07.03	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
110	04.07.07	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
111	04.08.02	Địa lí	15.750	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
112	04.08.12	Địa lí	13.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	04.08.19	Địa lí	13.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
114	04.08.03	Địa lí	14.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
115	04.08.07	Địa lí	13.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
116	04.08.09	Địa lí	16.500	Nhất	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
117	04.08.13	Địa lí	16.250	Nhất	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
118	04.08.17	Địa lí	14.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
119	04.08.18	Địa lí	15.250	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
120	04.08.20	Địa lí	13.250	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
121	04.08.08	Địa lí	15.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
122	04.08.05	Địa lí	15.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
123	04.08.04	Địa lí	15.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
124	04.08.06	Địa lí	15.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
125	04.08.10	Địa lí	15.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
126	04.08.11	Địa lí	16.250	Nhất	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
127	04.08.16	Địa lí	15.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
128	04.08.01	Địa lí	15.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
129	04.08.15	Địa lí	15.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú
130	04.08.14	Địa lí	15.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Trần Phú

Danh sách này gồm 130 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	04.09.01	Tiếng Anh	3.80	3.60	5.10	1.50	14.000	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
2	04.09.12	Tiếng Anh	3.70	4.20	5.10	1.30	14.300	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
3	04.09.13	Tiếng Anh	4	4	5	1.40	14.400	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
4	04.09.19	Tiếng Anh	3.80	4.30	5.70	1.20	15.000	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
5	04.09.02	Tiếng Anh	3.70	3.90	4.60	1.40	13.600	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
6	04.09.03	Tiếng Anh	4.50	4.80	5.80	1.70	16.800	Nhất	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
7	04.09.06	Tiếng Anh	3.80	4.20	5.40	1.50	14.900	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
8	04.09.08	Tiếng Anh	4	4.10	5.90	1.30	15.300	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
9	04.09.09	Tiếng Anh	3.70	4.10	5.60	1.40	14.800	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
10	04.09.15	Tiếng Anh	4	4.70	4.70	1.40	14.800	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
11	04.09.16	Tiếng Anh	4	4.30	5.90	1.30	15.500	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
12	04.09.11	Tiếng Anh	3.60	4	5.70	1.70	15.000	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
13	04.09.07	Tiếng Anh	4.10	3.30	4.90	1.20	13.500	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
14	04.09.04	Tiếng Anh	4.30	4.60	5.50	1.50	15.900	Nhất	Trường THPT chuyên Trần Phú
15	04.09.17	Tiếng Anh	3.40	4.10	6.30	1.40	15.200	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
16	04.09.10	Tiếng Anh	4	3.70	5.40	1.40	14.500	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
17	04.09.20	Tiếng Anh	3.30	3.20	5.70	1.30	13.500	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04.09.05	Tiếng Anh	3.50	4.10	5.80	1.30	14.700	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
19	04.09.14	Tiếng Anh	3.50	3.40	5.50	1.30	13.700	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
20	04.10.04	Tiếng Nga	4.16	1.30	5.65	1.360	12.470	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
21	04.10.06	Tiếng Nga	4.29	1.55	7.45	1.365	14.655	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
22	04.10.12	Tiếng Nga	4.41	1.60	6.80	1.475	14.285	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
23	04.10.13	Tiếng Nga	4.62	1.70	7.35	1.125	14.795	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
24	04.10.14	Tiếng Nga	4.15	0.95	6.70	1.435	13.235	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
25	04.10.15	Tiếng Nga	4.30	1.65	6.65	1.275	13.875	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
26	04.10.19	Tiếng Nga	4.50	1.35	7.85	1.350	15.050	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
27	04.10.02	Tiếng Nga	4.99	2	8.45	1.550	16.990	Nhất	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
28	04.10.03	Tiếng Nga	3.44	1.60	6.80	1.635	13.475	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
29	04.10.11	Tiếng Nga	3.41	1.65	7.15	1.380	13.590	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
30	04.10.17	Tiếng Nga	4.43	1.65	7.70	1.270	15.050	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
31	04.10.07	Tiếng Nga	5.40	1.75	7.65	1.450	16.250	Nhất	Trường THPT chuyên Trần Phú
32	04.10.10	Tiếng Nga	4.60	1.20	7.15	1.375	14.325	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
33	04.10.08	Tiếng Nga	4.75	1.65	7.35	0.300	14.050	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
34	04.10.20	Tiếng Nga	3.90	1.95	7.40	1.725	14.975	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
35	04.10.01	Tiếng Nga	4.76	1.30	7	1.215	14.275	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
36	04.10.09	Tiếng Nga	4.01	1.20	7.20	1.375	13.785	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
37	04.10.05	Tiếng Nga	4.15	1.70	6.15	1.605	13.605	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
38	04.10.18	Tiếng Nga	3.89	1.35	6.95	1.635	13.825	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
39	04.11.05	Tiếng Pháp	5.30	2.50	2.90	1.525	12.225	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
40	04.11.19	Tiếng Pháp	5.45	2.75	3.10	1.375	12.675	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
									Trải
41	04.11.01	Tiếng Pháp	6.35	2.75	3.70	1.65	14.450	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
42	04.11.04	Tiếng Pháp	5.10	1.75	3	1.3	11.150	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
43	04.11.06	Tiếng Pháp	5.85	2.50	3.10	1.475	12.925	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
44	04.11.08	Tiếng Pháp	7	2.75	2.60	1.375	13.725	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
45	04.11.10	Tiếng Pháp	4.85	3	2.50	1.575	11.925	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
46	04.11.17	Tiếng Pháp	5.45	3.25	3.40	1.425	13.525	Nhì	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
47	04.11.20	Tiếng Pháp	6.05	3	2.70	1.425	13.175	Ba	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
48	04.11.02	Tiếng Pháp	5.60	2.50	3	1.6	12.700	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
49	04.11.13	Tiếng Pháp	5.10	2.50	2.30	1.425	11.325	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
50	04.11.09	Tiếng Pháp	5.60	2.75	3	1.4	12.750	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
51	04.11.14	Tiếng Pháp	6.25	2	2.40	1.4	12.050	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
52	04.11.12	Tiếng Pháp	5.55	2.50	2.80	1.55	12.400	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
53	04.11.16	Tiếng Pháp	6.65	1.75	2.30	1.4	12.100	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
54	04.11.03	Tiếng Pháp	6.55	2.75	3.50	1.45	14.250	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
55	04.11.07	Tiếng Pháp	6.25	1.25	3	1.4	11.900	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
56	04.11.15	Tiếng Pháp	5.95	2.25	1.40	1.125	10.725	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
57	04.11.11	Tiếng Pháp	5.90	2.25	2.50	1.45	12.100	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
58	04.12.04	Tiếng Trung	4.10	3.40	6.55	1.65	15.700	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
59	04.12.07	Tiếng Trung	4.10	3.90	6.10	1.4	15.500	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
60	04.12.05	Tiếng Trung	3.75	3.85	6.50	1.5	15.600	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
61	04.12.10	Tiếng Trung	3.70	3.50	6.40	1.3	14.900	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

04-THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
62	04.12.03	Tiếng Trung	3.20	3.20	6.40	1.25	14.050	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
63	04.12.08	Tiếng Trung	3.80	3.45	5.95	1.55	14.750	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
64	04.12.02	Tiếng Trung	4	3.25	6.50	1.4	15.150	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
65	04.12.06	Tiếng Trung	2.70	3.75	6.40	1.35	14.200	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
66	04.12.11	Tiếng Trung	3.65	2.20	5.85	1.4	13.100	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
67	04.12.01	Tiếng Trung	2.75	3.05	6.20	1.15	13.150	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
68	04.13.10	Tiếng Nhật	3.40	3.55	4.55	1.2	12.700	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
69	04.13.04	Tiếng Nhật	4	3.80	4.60	1.5	13.900	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
70	04.13.09	Tiếng Nhật	4	3.10	4.60	1.3	13.000	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
71	04.13.08	Tiếng Nhật	2.95	3.55	5	1.5	13.000	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
72	04.13.01	Tiếng Nhật	3.80	3.50	3.85	1.1	12.250	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
73	04.13.05	Tiếng Nhật	4.25	3.60	4.70	1.5	14.050	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
74	04.13.06	Tiếng Nhật	2.70	3.40	3.65	1.3	11.050	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
75	04.13.02	Tiếng Nhật	3.80	2.15	5	1.45	12.400	Ba	Trường THPT chuyên Trần Phú
76	04.13.03	Tiếng Nhật	4.45	4.05	4.85	1.4	14.750	Nhì	Trường THPT chuyên Trần Phú
77	04.13.11	Tiếng Nhật	4	2.80	4.10	1.3	12.200	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú
78	04.13.07	Tiếng Nhật	3.25	2.70	3.60	0.9	10.450	K.Khích	Trường THPT chuyên Trần Phú

Danh sách này gồm 78 thí sinh